

UBND THỊ XÃ QUẢNG YÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHONG HẢI

THÔNG BÁO
Cơ sở vật chất của trường Tiểu học Phong Hải năm 2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	24/19	Số 1,2 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	27	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	5.917 m ²	9.42m ²
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3762 m ²	5,98m ²
VI	Tổng diện tích các phòng	1680m ² nhà học 3 tầng mới. 2000 m ² nhà học 3 tầng cũ Khu hiệu bộ 250 m ²	1.2m ²
1	Diện tích phòng học (m ²)	54m ²	1,8m ²
2	Diện tích thư viện (m ²)	54m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	134 m ²	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	54m ²	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	54m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	54m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	9m ²	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	66m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		Số bộ/lớp
1.1	Khối lớp 1	4	1
1.2	Khối lớp 2	4	1
1.3	Khối lớp 3	3	1
1.4	Khối lớp 4	4	1
1.5	Khối lớp 5	4	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	09	Số học sinh/0,5bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	5	0,13

2	Cát xét	3	0,19
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	12	0,75
5	Thiết bị khác...		

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	20
XI	Nhà ăn	100

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	10/540m2	400	1,35m
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		10		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số [41/2010/TT-BGDĐT](#) ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số [27/2011/TT-BYT](#) ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Phong Hải, ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị


Đỗ Thị Lan